

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ ĐẦU TƯ TK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ ĐẦU TƯ TK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TK INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TK INVEST.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110380354

**3. Ngày thành lập:** 07/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 114, đường Cổ Linh, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906656698

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                               | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                      | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                      | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                 | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa. Môi giới mua bán hàng hóa (trừ đấu giá)                                                        | 4610     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                | 4641     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                  | 4649     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                     | 4659     |
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ vàng miếng)                                                                                                             | 4662     |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                             | 4663     |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                        | 4669     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh<br>Hoạt động thương mại điện tử | 8299     |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                           | 6619     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6810(Chính) |
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản<br>Tư vấn và Quản lý bất động sản<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6820        |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7020        |
| 17. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Khảo sát địa hình<br>Khảo sát địa chất công trình<br>Lập thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Thiết kế kết cấu công trình<br>Thiết kế cơ - điện công trình<br>Thiết kế cấp - thoát nước công trình<br>Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ<br>Thiết kế xây dựng công trình giao thông<br>Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn<br>Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều<br>Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật<br>Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông<br>Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều)<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình<br>Kiểm định xây dựng<br>Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng<br>Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp<br>Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng<br>Thẩm tra thiết kế xây dựng | 7110        |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310        |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410        |
| 20. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7710        |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận hàng hoá. Logistics. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5229        |

|     |                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển | 7730 |
| 24. | Đại lý du lịch                                                                                                                                             | 7911 |
| 25. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                      | 7912 |
| 26. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                        | 7990 |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                          | 4101 |
| 28. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                    | 4102 |
| 29. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                              | 4211 |
| 30. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                               | 4212 |
| 31. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                          | 4229 |
| 32. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                   | 4291 |
| 33. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                 | 4299 |
| 34. | Phá dỡ<br>(trừ hoạt động nổ mìn và các hoạt động tương tự)                                                                                                 | 4311 |
| 35. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn và các hoạt động tương tự)                                                                                      | 4312 |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                      | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                 | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>TRUNG KIÊN | CH3203, tháp<br>đồng, toà IPH, số<br>241 Xuân Thủy,<br>Phường Dịch<br>Vọng Hậu, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 190.000       | 1.900.000.000            | 6,334        | 0010960236<br>20                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                    | Tổng số                            | 190.000       | 1.900.000.000            | 6,334        |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐINH THU<br>THUY     | CH1705,<br>CCN09B1, khu<br>đô thị mới Dịch<br>Vọng, Phường<br>Dịch Vọng, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.800.0<br>00 | 28.000.000.000           | 93,333       | 0361940063<br>42                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                    | Tổng số                            | 2.800.0<br>00 | 28.000.000.000           | 93,333       |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                                       |                           |        |             |       |              |
|---|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | CH914, CC TSG Lotus, số 190 phố Sài Đồng, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 0,333 | 001186039504 |
|   |                   |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                   |                                                                                                       | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 0,333 |              |
|   |                   |                                                                                                       |                           |        |             |       |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/09/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001096023620

Ngày cấp: 04/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 114, đường Cổ Linh, Phường Long Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH3203, tháp đông, toà IPH, số 241 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội